

Bản án số: 123/2021/HC-PT
Ngày 22 tháng 3 năm 2021
“V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất
đai đối với trường hợp yêu cầu hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Ông Chung Văn Kết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 418/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai đối với trường hợp yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2020/HC-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 352/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1962, có đơn xin xét xử vắng mặt.

1.2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm, sinh năm 1964, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Người bị kiện:

2.1. Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh S, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện K: Ông Châu Văn Lâm - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:.

3.1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1931.

3.2. Trần Văn N, sinh năm 1955.

3.3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: Số 148/1, ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn V, ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị N: Ông Lê Văn C, sinh năm 1959. Địa chỉ: 1 Bis Điện Biên Phủ, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, có mặt.

3.4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Số 622, ấp C, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn K là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2019, ngày 20/8/2019 của người khởi kiện ông Nguyễn Văn K và các lời khai của người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn K trình bày:* Ông Nguyễn Văn K sống chung với cha mẹ là ông Nguyễn Văn V và bà Đinh Thị Tốt từ nhỏ. Gia đình ông có được phần đất tại thửa số 68, tờ bản đồ số 59, diện tích 10.822,8m² tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc của ông Đinh Văn Phán và bà Nguyễn Thị Còn (ông, bà ngoại của ông K) để lại.

Đến khoảng năm 1984, ông K kết hôn với bà Nguyễn Thị T. Sau khi kết hôn, ông V có chia cho vợ chồng ông một phần đất tại thửa đất số 68 nêu trên với diện tích khoảng 4.500m² để canh tác. Ngoài ra, ông V còn chia cho gái em của ông là bà Nguyễn Thị T khoảng 2.000m². Phần diện tích đất còn lại khoảng 3.500m² thì ông V để dành làm đất hương quả. Tuy nhiên đến năm 2019, ông V sang nhượng phần đất hương quả diện tích khoảng 3.500m² cho vợ chồng ông N, bà N. Khi ông K gặp bà N để mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục sang tên tách bộ diện tích 4.500m² tại thửa đất số 68 của vợ chồng ông, thì ông K mới biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 659258 (số vào sổ CS03038) ngày 14/01/2019 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N bao trùm luôn diện tích đất 4.500m² của vợ chồng ông.

Do thửa đất số 68 (thửa cũ 191) là do ông ngoại ông là ông Đinh Văn Phán cho riêng mẹ ông nên thửa đất 68 là tài sản riêng của mẹ ông là bà Đinh Thị Tốt. Nên ông K khởi kiện yêu cầu giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 659258 (số vào sổ CS03038) ngày 14/01/2019 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N đối với thửa 68; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 117383 (số vào sổ cấp GCN: CH 00183) được Ủy ban nhân dân huyện K (Viết tắt UBND huyện K) cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 31/3/2015 đối với thửa 68 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 11/9/1993 đối với thửa 191, tờ bản đồ 07, diện tích 12.420m², phần đất tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Tại đơn khởi kiện ngày 23/8/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/10/2019 và các lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng T và người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày:* Năm 2006, cha của bà là ông Nguyễn Văn V có chia cho bà khoảng 2.000m² thuộc thửa đất số 68, bà T trồng cam nhưng không hiệu quả. Sau đó bà đã cải tạo vườn cũ để trồng mới các loại cây ăn trái khác như mít, dừa, sầu riêng và đã có thu hoạch trái. Khi ông Trần Văn N và chị Nguyễn Thị N có chuyển nhượng của ông V phần đất hương quả khoảng 3.500m² tại thửa đất số 68 thì ông V có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 68 của gia đình để cho ông Trần Văn N tách phần diện tích đất đã chuyển nhượng. Nhưng sau đó bà mới phát hiện ông Trần Văn N đã lập thủ tục đăng ký bao trùm lên cả phần diện tích đất 2.000m² của bà. Ngoài ra, bà còn phát hiện trước đây ông Nguyễn Văn V cũng đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BR 117383 ngày 31/3/2015, đối với thửa đất số 68, tờ bản đồ số 59, diện tích 10.822,8m, vị trí tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Nay bà T yêu cầu giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 659258 (số vào sổ CS03038) ngày 14/01/2019 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N đối với thửa 68; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 117383 (số vào sổ cấp GCN: CH 00183) được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 31/3/2015 đối với thửa 68; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 11/9/1993 đối với thửa 191, tờ bản đồ 07, diện tích 12.420m, phần đất tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Tại các Văn bản số 1195/STNMT-TTr ngày 10/6/2019; Văn bản số 2176/STNMT-TTg ngày 03/10/2019 và Văn bản số 493/SNMT-TTr ngày 11/3/2020 Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh S có ý kiến:* Phần đất diện tích 10.822,8m² (đất ở nông thôn 300m², đất trồng cây lâu năm 10.522,8m²), thửa đất số 68, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn V, được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 117383 ngày 31/3/2015. Ngày 19/12/2018, ông Nguyễn Văn V lập hợp đồng tặng cho toàn bộ phần đất nêu trên cho ông Trần Văn N (con rể), bà Nguyễn Thị N (con ruột) và được Chủ tịch UBND xã X, huyện K chứng thực. Ngày 14/01/2019, Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 659258 cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N được thực hiện đúng trình tự theo quy định. Do vậy, yêu cầu của người khởi kiện của ông K, bà T là không có cơ sở để chấp nhận.

- *Người bị kiện UBND huyện K, tỉnh Sóc Trăng không có ý kiến.*

- *Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V và các lời khai bổ sung của người đại diện theo ủy quyền của ông V trình bày:* Nguồn gốc thửa đất số 68 là của cụ Văn Phán cho vợ chồng ông V và bà Tốt vào năm 1958. Vợ chồng ông V quản lý từ năm 1958 đến năm 1993 ông V được UBND huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 191. Sau đó ông V làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và

ngày 31/3/2015, UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa mới là thửa 68.

Ông K có sống chung với ông một thời gian nhưng không nhớ là thời gian nào, ông V không có cho đất ông K. Riêng bà T sau khi có chồng ở Cần Thơ trở về quê sinh sống thì ông có cho bà T một cái nền nhà và bà T cất nhà ở cho đến nay. Ngoài ra, ông V có chuyển nhượng cho bà T một phần đất là 01 liếp đất ngang 4m x dài 70m, với giá 05 chỉ vàng 24k có vị trí kề bên nhà của bà T, nhưng chưa làm giấy tờ sang tên tách bộ.

Do các con ông bỏ đi và chỉ còn vợ chồng ông N, bà N ở lại nuôi dưỡng vợ chồng ông nên ông mới sang tên tặng cho vợ chồng ông N, bà N thửa đất 68. Khi làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất thì vợ ông không có ký tên. Vợ chồng ông N, bà N đã kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng đất và được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 659258 cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền của ông N, bà N trình bày như sau:* Thửa đất số 68 có nguồn gốc của gia đình ông V, bà Tốt sử dụng từ trước năm 1975, khi đó diện tích 12.500m², do nhiều lần làm lộ nên diện tích đất còn lại 10.522,8m² (đã trừ 300m thổ cư). Thời gian đầu ông V trồng lúa, sau năm 1977 thì trồng lúa thất mùa nên lên liếp trồng cây ăn trái cho đến năm 2014 thì phần đất này giao cho ông N, bà N trực tiếp trông coi trồng trọt cho ông V. Ông V đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1993 sau đó đến ngày 31/3/2015 được UBND huyện K cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 117383 nêu trên cho ông V và đã thu hồi giấy cũ. Đến ngày 19/12/2018, thì ông V lập hợp đồng tặng cho bà N và ông N quyền sử dụng đất tại thửa 68, diện tích 10.822,8m² vì vợ chồng ông N, bà N là người trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng ông V, bà Tốt lúc tuổi già. Vợ chồng ông N, bà N đã kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng đất và được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 659258 cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N.

Ông N đồng ý sẽ tách quyền sử dụng đất diện tích 6m x 72m mà ông Viễn đã chuyển nhượng cho bà T với điều kiện phải làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, còn đối với diện tích căn nhà của bà T thì phần đất này ông V chỉ cho bà T mượn để cất nhà ở chứ không có cho luôn nên ông N không đồng ý tách quyền sử dụng đất liên quan đến phần đất này cho bà T. Bà T đang sử dụng phần có gắn căn nhà này thì ông N không có ý kiến hay đòi lại phần diện tích đất này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày ý kiến:* Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông K.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 659258 (số vào sổ CS03038) ngày 14/01/2019 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N đối với thửa 68, tờ bản đồ số 59, tọa lạc ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K yêu cầu hủy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BR 117383 (số vào sổ cấp GCN: CH 00183) được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 31/3/2015 đối với thửa 68, tờ bản đồ số 59, tọa lạc ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 11/9/1993 đối với thửa 191, tờ bản đồ 07, diện tích 12.420m², tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 659258 (số vào sổ CS03038) ngày 14/01/2019 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N đối với thửa 68, tờ bản đồ số 59, tọa lạc ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BR 117383 (số vào sổ cấp GCN: CH 00183) được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 31/3/2015 đối với thửa 68, tờ bản đồ số 59, tọa lạc ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 11/9/1993 đối với thửa 191, tờ bản đồ 07, diện tích 12.420m², tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm; về chi phí xem xét thẩm định, tại chỗ và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

- Ngày 15/6/2020 người khởi kiện ông Nguyễn Văn K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BR 117383 (số vào sổ cấp GCN: CH 00183) được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 31/3/2015 đối với thửa 68, tờ bản đồ số 59, tọa lạc ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 11/9/1993 đối với thửa 191, tờ bản đồ 07, diện tích 12.420m², tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người khởi kiện ông Nguyễn Văn K giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BR 117383 (số vào sổ cấp GCN: CH 00183) được UBND huyện K cấp cho ông

Nguyễn Văn V vào ngày 31/3/2015 đối với thửa 68, tờ bản đồ số 59, tọa lạc ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 11/9/1993 đối với thửa 191, tờ bản đồ 07, diện tích 12.420m, tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện hợp pháp của ông N, bà N, ông V có ông C làm đại diện theo ủy quyền trình bày: Đồng ý với bản án sơ thẩm. Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính; Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của ông K trong hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Xét yêu cầu kháng cáo của ông K là không có cơ sở để chấp nhận. Nên đề nghị áp dụng Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông K làm trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 24/10/2020 ông K, bà T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Nên tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2,4 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Người khởi kiện ông K, bà T khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 659258 (số vào sổ CS03038) ngày 14/01/2019 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N đối với thửa 68, tờ bản đồ số 59, tọa lạc ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 659258 (số vào sổ CS03038) ngày 14/01/2019 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N đối với thửa 68; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 117383 (số vào sổ cấp GCN: CH 00183) được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 31/3/2015; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 11/9/1993 đối với thửa 191, tờ bản đồ 07, diện tích 12.420m², tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 32, Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị khiếu kiện:

Xét thấy UBND huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 11/9/1993 và ngày 31/3/2015; Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn N

và và Nguyễn Thị N vào ngày 14/01/2019 là có đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 của Luật đất đai năm 1987 và tại Điều 4, 12,13 của Nghị định số 30/HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Điều 105 Luật đất đai năm 2013 và Điều 37 Nghị định 43/20114/NĐ-CP Ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của luật đất đai.

[4] Về nội dung:

[4.1] Nguồn gốc thửa đất 191 (thửa mới 68) được các đương sự thống nhất khai có nguồn gốc là của cụ Đình Văn Phán (đã chết) và cụ bà Nguyễn Thị Còn (đã chết) cho vợ chồng bà Đình Thị Tốt (đã chết ngày 13/5/2019), ông Nguyễn Văn V vào khoảng năm 1958, vợ chồng ông V, bà Tốt quản lý, sử dụng phần đất này từ năm 1958.

Người khởi kiện ông K kháng cáo cho rằng thửa đất 191 (thửa mới 68) là tài sản riêng của bà Tốt được vợ chồng cụ Phán, cụ Còn tặng cho riêng bà Tốt theo tờ tương phân ruộng đất lập ngày 19/11/1959. Tuy nhiên theo Điều 15 Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 quy định: *“Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”*. Vì vậy thửa đất ông V và bà Tốt có quyền sở hữu và sử dụng ngang nhau đối với thửa đất 191 là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959. Ngày 03/12/1992, ông V có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất (Bút lục số 288) và có đứng tên kê khai trong sổ bộ địa chính. Ngày 11/9/1993, UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V đối với thửa 191, tờ bản đồ 07, diện tích 12.420m² tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 13, khoản 2, 3 Điều 18 của Luật đất đai năm 1987 và tại Điều 4, 12, 13 của Nghị định số 30/HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông K yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 11/9/1993 đối với thửa 191, tờ bản đồ 07, diện tích 12.420m², tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

[4.2] Xét kháng cáo của ông K yêu cầu hủy yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BR 117383 (số vào sổ cấp GCN: CH 00183) được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 31/3/2015 đối với thửa 68, tờ bản đồ số 59, tọa lạc ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng: Xét thấy tại biên bản lấy lời khai, ông V thừa nhận trên thửa đất 68 (thửa cũ 191) ông V có cho bà T một nền nhà để cất nhà ở ngoài ra ông V cũng đã sang nhượng cho bà T một liếp đất diện tích ngang 04 mét dài 70 mét thuộc thửa 68 với giá 05 chỉ vàng 24K nhưng chưa làm thủ tục sang tên tách bộ. Tại biên bản khảo sát đo đạc thẩm định cũng đã xác định bà T có xây cất một căn nhà cấp bốn có kết cấu bê tông cốt thép được xây dựng vào năm 2013 trên nền nhà cũ do ông V cho bà T trước đó và bà T đang quản lý sử dụng phần đất đã nhận chuyển nhượng của ông V thuộc thửa 68. Khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện K căn cứ vào đơn xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 117383 (số vào sổ cấp GCN: CH 00183) thửa đất số 68 tờ bản đồ số 59 cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 31/3/2015 bao trùm luôn cả phần diện tích có gắn căn nhà của bà T và phần đất do bà T nhận chuyển nhượng của ông V là

chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà T. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BR 117383 (số vào sổ cấp GCN: CH 00183) được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 31/3/2015 đối với thửa 68, tờ bản đồ số 59, tọa lạc ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bác yêu cầu của ông K yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BR 117383 (số vào sổ cấp GCN: CH 00183) được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 31/3/2015 đối với thửa 68, tờ bản đồ số 59, tọa lạc ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng là chưa phù hợp với nhận định trên. Nên cần sửa lại cho đúng.

Vì vậy chấp nhận một phần kháng cáo của ông K. Sửa một phần bản án sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K và bà T: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 659258 (số vào sổ CS03038) ngày 14/01/2019 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N đối với thửa 68, tờ bản đồ số 59, tọa lạc ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 117383 (số vào sổ cấp GCN: CH 00183) được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 31/3/2015 đối với thửa 68, tờ bản đồ số 59, tọa lạc ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Hồng T về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 11/9/1993 đối với thửa 191, tờ bản đồ 07, diện tích 12.420m², tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do sửa án nên ông K không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm; về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; Khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn K. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Hồng T:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 659258 (số vào sổ CS03038) ngày 14/01/2019 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N đối với thửa 68, tờ bản đồ số 59, tọa lạc ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 117383 (số vào sổ cấp GCN: CH 00183) được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 31/3/2015 đối với thửa 68, tờ bản đồ số 59, tọa lạc ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Hồng T về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn Văn V vào ngày 11/9/1993 đối với thửa 191, tờ bản đồ 07, diện tích 12.420m², tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn K không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu số 0004043 ngày 25/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm; về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

